|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số: /2022/QĐ-TTg | | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* | |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An đối với rừng sản xuất từ 50ha đến dưới 1.000 ha theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khoá XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khoá XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hoá.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An.

**Điều 2. Nguyên tắc**

Việc chuyển mục đích sử dụng rừng bảo đảm nguyên tắc, điều kiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;

b) Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

c) Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: Đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư;

d) Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Nội dung thẩm định gồm:

a) Cơ sở pháp lý;

b) Thành phần, nội dung hồ sơ;

c) Sự cần thiết đầu tư dự án;

d) Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), loài cây trồng;

đ) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

e) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

g) Hiệu quả kinh tế - xã hội; đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công.

Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Hồ sơ gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung cơ bản:

a) Thông tin chung về dự án;

b) Sự cần thiết đầu tư dự án;

c) Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), loài cây trồng;

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

e) Hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư và đầu tư công.

5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 4.** **Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nội dung được uỷ quyền theo quy định của pháp.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương.

c) Hằng năm, báo cáo kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 1 Quyết này về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31 tháng 12; tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tổng kết thực hiện Quyết định về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 31 tháng 10 năm 2026 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Trách nhiệm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện hằng năm, sơ kết 03 năm và tổng kết thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp kiểm tra, giát sát các nội dung có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện quyết định này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban giám sát Tài chính quốc gia;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các PTTg,  TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, NN (3b). | **THỦ TƯỚNG**    **Phạm Minh Chính** |